

Bản án số: **224/2022/KDTM-PT**
Ngày 27/12/2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên

Trong các ngày 16 và 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 147/2022/TLPT-KDTM ngày 19/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2022/KDTM-ST ngày 17/6/2022 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 534/2022/QĐ-PT ngày 03/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 587/2022/QĐ-PT ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty S

Địa chỉ: Lô XN 46-4 Khu công nghiệp ĐA, phường TM, thành phố H, tỉnh Hải Dương

Người đại diện theo pháp luật: Ông YYS – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông BDH, sinh năm 1978; Bà HTH, sinh năm 1996. Cùng địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà C, số 117, đường TDH, phường TH, quận C, thành phố Hà Nội (Theo Văn bản ủy quyền số 258/2022/HĐUQ-SR ngày 14/12/2022); có mặt

-Bị đơn: Công ty C

Địa chỉ: Cảng LM, phường LM, quận B, thành phố Hà Nội

Địa chỉ liên lạc: khu D làng Q, phường DV, quận C, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông NCL – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NKC – Pháp chế của Công ty; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/6/2018, Công ty C và Công ty S đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 627 và phụ lục số 01 ngày 29/3/2019, về việc mua bán chất phụ gia bê tông, cụ thể:

Công ty S bán cho Công ty C sản phẩm ROADCON SPR 1000 17,500đ/lít, 1000 lít/thùng; Sản phẩm ROADCON WPA 52 17,000đ/lít, 1000 lít/thùng (đơn giá trên bao gồm phí vận chuyển, chưa bao gồm 10% thuế VAT). Công ty S có trách nhiệm giao hàng theo số lượng đặt hàng và trong thời gian yêu cầu của Công ty C. Sau 1 tháng kể từ ngày giao hàng, Công ty S xuất hóa đơn và bị đơn có nghĩa vụ thanh toán 100% giá trị hợp đồng cho Công ty S. Việc thanh toán có thể được thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của công ty nguyên đơn. Trong trường hợp thanh toán chậm so với thời hạn thanh toán nêu trên thì Công ty C sẽ phải chịu lãi suất chậm thanh toán là 0,05%/ngày trên tổng số tiền chậm thanh toán.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S đã tiến hành giao hàng nhiều lần cho Công ty C với tổng số tiền 738.980.000 đồng, Công ty C mới chỉ thanh toán cho nguyên đơn 589.250.000 đồng. Số tiền còn lại là 140.730.000 đồng Công ty C không thanh toán cho nguyên đơn. Nhiều lần nguyên đơn đã yêu cầu Công ty C trả nhưng Công ty C cố tình trì hoãn kéo dài gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty S về nguồn lãi đầu tư. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty S khởi kiện Công ty C, yêu cầu Công ty C phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại là 140.730.000 đồng và Công ty C phải chịu lãi chậm trả cho các hóa đơn chưa thanh toán tạm tính đến ngày 20/12/2020 là 17.671.125 đồng. Cụ thể:

-Hóa đơn xuất ngày 31/12/2019, thời gian tính lãi từ ngày 30/01/2020 đến ngày 20/1/2020, cụ thể: $25.230.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 325 \text{ ngày} = 4.099.875 \text{ đồng}$

-Hóa đơn xuất ngày 29/02/2020, thời gian tính lãi từ ngày 30/3/2020 đến ngày 20/12/2020, cụ thể: $57.750.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 265 \text{ ngày} = 7.651.875 \text{ đồng}$

-Hóa đơn xuất ngày 29/04/2020, thời gian tính lãi từ ngày 29/5/2020 đến 20/12/2020, cụ thể: $57.750.000 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 205 \text{ ngày} = 5.919.375 \text{ đồng}$

Chứng cứ khác nguyên đơn cung cấp: Biên bản đối chiếu công nợ: tính đến ngày 31/5/2019 Công ty C còn nợ là 65.230.000 đồng ; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 29/6/2019 là 115.500.000 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 30/9/2019 là 57.750.000 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 31/10/2019 là 57.750.000 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 31/12/2019 là 57.750.000 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 29/02/2020 là 57.750.000 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 29/4/2020 là 57.750.000 đồng.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Bị đơn: Công ty C đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp thêm được tài liệu nào khác.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa xác nhận có việc hai bên ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa, có việc đại diện nguyên đơn đến trao đổi, bàn bạc và giải quyết thanh toán nốt phần còn lại của hợp đồng nhưng lúc đó đại diện theo pháp luật của Công ty C chưa rõ và chưa phân công rõ ràng nên không thể giải quyết được. Nay bị đơn đề nghị Tòa án làm rõ tại thời điểm ký hợp đồng mua bán hàng hóa thì đại diện Công ty C là ai, ai cho phép ông DTK ký, đại diện hợp pháp của Công ty C hiện tại không có nghĩa vụ phải trả số tiền trên. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu nào khác.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2022/KDTM-ST ngày 17/6/2022 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 85, Điều 86, Điều 87; Điều 186, Điều 189, Điều 271, Điều 273, Điều 143, Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 466, Điều 468, Điều 683 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương Mại;

Căn cứ Luật án phí lệ phí Tòa án;

1 / Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc Công ty C phải trả Công ty S số tiền còn thiếu do mua sản phẩm phụ gia bê tông là 140.730.000đ; tiền lãi chậm trả tính đến thời điểm 17/6/2022 là 52.633.020đ. Tổng cộng là 193.363.020đ.

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không trả được hết số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất 10%/năm/số tiền chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2/Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí là 9.668.000đ kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả nguyên đơn số tiền 8.000.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 42531 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

3/Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty C đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhập toàn bộ yêu cầu kháng cáo, tuyên hợp đồng kinh tế mua bán chất phụ gia bê tông số 627 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 29/3/2019 của hợp đồng này giữa Công ty C với Công ty S là vô hiệu, tuyên hủy bản án sơ thẩm vì thụ lý xét xử không đúng theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay: nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận như sau:

- Bị đơn Công ty C đồng ý thanh toán cho nguyên đơn Công ty S số tiền là 100.000.000 đồng: Xác nhận hai bên đã thanh toán cho nhau xong vào ngày 21/12/2022.

- Về án phí, bị đơn tự nguyện chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

- Công ty C và Công ty S không có yêu cầu, đề nghị gì khác. Mọi vấn đề liên quan đến vụ kiện này được chấm dứt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Xét tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận về cách giải quyết toàn bộ vụ án. Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty C được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty S với Công ty C phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa, được xác lập bởi các chủ thể đều có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn Công ty C có địa chỉ tại: Cảng LM, phường LM, quận B, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã hòa giải và thống nhất với nhau về cách giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau:

- Bị đơn Công ty C đồng ý thanh toán cho nguyên đơn Công ty S số tiền là 100.000.000 đồng: Xác nhận hai bên đã thanh toán cho nhau xong vào ngày 21/12/2022.

- Về án phí, bị đơn tự nguyện chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

- Công ty C và Công ty S không có yêu cầu, đề nghị gì khác. Mọi vấn đề liên quan đến vụ kiện này được chấm dứt.

Xét sự tự thỏa thuận của các đương sự về cách giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội và theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm và quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí phúc thẩm : Công ty C kháng cáo, nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148; Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2022/KDTM-ST ngày 17/6/2022 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Bị đơn Công ty C đồng ý thanh toán cho nguyên đơn Công ty S số tiền là 100.000.000 đồng: Xác nhận hai bên đã thanh toán cho nhau xong vào ngày 21/12/2022.

- Công ty C và Công ty S không có yêu cầu, đề nghị gì khác. Mọi vấn đề liên quan đến vụ kiện này được chấm dứt.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty C phải nộp 5.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Công ty S 8.000.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0042531 ngày 13/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

3. Về án phí phúc thẩm:

Công ty C phải nộp 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0043306 ngày 23/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận B, tp Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND quận B, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thái Sơn